

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 24 – 4 – 2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo

Bà Đinh Thị Quý Chi

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Cao Thanh Nam - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 23 và 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 07/2020/HNGĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 57/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXPT-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐHPT-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Minh Th, sinh năm 1988. HKTT: Khu phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh B. Nơi cư trú: Tổ 6, khu phố Ph, phường Th, thành phố Đ, tỉnh B. “vắng mặt – có đơn đề nghị vắng mặt”

* *Bị đơn:* Anh Trần Thanh L, sinh năm 1984. HKTT: Khu phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh B “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Minh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Trần Thanh L tìm hiểu và tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 2012, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường Th, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh B. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

là do bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên cãi vã nhau. Anh chị từng sống ly thân từ năm 2015 đến giữa năm 2017 thì đoàn tụ do gia đình hai bên khuyên bảo hàn gắn. Tuy nhiên, khi về sống chung anh chị vẫn thường xuyên cãi nhau dẫn đến gia đình không hạnh phúc, làm ảnh hưởng đến con cái và hàng xóm. Hiện tại anh chị đã ly thân từ ngày 09/9/2019, chị và hai con đang sinh sống tại nhà cha mẹ ruột tại tổ 6, khu phố Ph, phường Th, thành phố Đ. Vì vậy chị muốn ly hôn với anh L để ổn định cuộc sống và yên tâm chăm sóc con cái.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung tên là Trần Thanh H, sinh ngày 27/10/2013 và Trần Thanh P, sinh ngày 06/7/2018. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm, bị đơn anh Trần Thanh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tại bản tự khai và lời khai anh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị Th kết hôn năm 2012 tại UBND phường Th, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh B. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp. Hiện tại anh chị đã ly thân. Nay chị Th yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung Quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung tên là Trần Thanh H, sinh ngày 27/10/2013 và Trần Thanh P, sinh ngày 06/7/2018. Hiện tại các con đang ở với mẹ. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh L không còn yêu cầu nào khác.

Anh L không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Tại Bản án sơ thẩm số 57/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 8, Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Khoản 1 Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về con chung: Giao con chung tên Trần Thanh H, sinh ngày 27/10/2013 và Trần Thanh P, sinh ngày 06/7/2018 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần quan hệ hôn nhân, án phí và các chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19 tháng 12 năm 2019 anh Trần Thanh L có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số 57/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án

nhân dân thành phố Đ, yêu cầu: Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giao cho anh L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Thanh H, sinh ngày 27/10/2013, còn chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Thanh P, sinh ngày 06/7/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn anh Trần Thanh L cung cấp cho Hội đồng xét xử Đơn đề nghị xác nhận anh L hiện đang là nhân viên hợp đồng lao động dài hạn, chức vụ là nhân viên tư vấn kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Ngọc Linh BP, có mức lương 8.000.000đ (Tám triệu đồng)/ tháng kèm theo Bảng lương tháng 12/2019, tháng 01-02/2020 của Công ty Ngọc Linh BP; Giấy xác nhận tiền lương của Bệnh viện đa khoa – Sở y tế tỉnh B với mức lương của anh Trần Thanh L tháng 10-11-12/2019 là 5.241.969 đồng; Bản photocopy Giấy chứng nhận số BH653824 vào sổ cấp GCN CH 4085/QSDĐ do Ủy ban nhân dân thị xã Đ (cũ) cấp ngày 14 tháng 12 năm 2011 cho anh Trần Thanh L. Anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo giành quyền chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung.

Nguyên đơn chị Nguyễn Minh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có đơn trình bày ý kiến đối với yêu cầu kháng cáo của anh Trần Thanh L như sau: Nguyên vọng của chị Th là được trực tiếp nuôi dạy 02 con chung là cháu Trần Thanh H và Trần Thanh P vì nhận thấy mình có đủ điều kiện để chăm sóc, dạy bảo các cháu phát triển tốt. Chị Th dẫn 02 con nhỏ về nhà mẹ ruột tại khu phố Ph, phường Th, thành phố Đ, tỉnh B từ ngày 09/9/2020, mặc dù có sự thay đổi chỗ ở mới nhưng có sự giúp đỡ của bố mẹ chị Th nên việc chăm sóc, giáo dục các cháu tốt hơn. Chị Th làm việc trong giờ hành chính nên cũng có nhiều thời gian chăm sóc, giáo dục các con. Về thu nhập: Chị Th là cán bộ công chức nên mức thu nhập cố định là 07 triệu đồng/ tháng, ngoài ra chị còn kinh doanh online, góp vốn với cháu gái để mở tiệm làm móng và trang điểm, góp vốn với chị gái để mở cửa hàng bán quần áo nên thu nhập thêm hàng tháng của chị Th từ 7 triệu đồng trở lên nên về kinh tế đủ để chăm lo cho các con chung. Việc chăm sóc, dạy dỗ 02 con chung của anh L, chị Th từ trước đến khi ly hôn vẫn do chị Th chăm sóc, giáo dục là chủ yếu vì công việc của anh L phải thường xuyên đi trực vắng nhà.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc nguyên đơn chị Nguyễn Minh Th vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, đây là phiên tòa mở lần thứ 2, chị Th vắng mặt nhưng đã có đơn trình bày ý kiến và đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Minh Th là đúng quy định của pháp luật

- Về nội dung: Anh L kháng cáo yêu cầu được nuôi 01 con chung nhưng không chứng minh được trong thời gian từ khi anh L, chị Th ly hôn đến nay 02 cháu Hải và Phong đều được chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng có phát sinh sự việc gì ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của các cháu. Nên để ổn định cuộc sống của các cháu Hải, Phong, ổn định sự phát triển về tâm sinh lý nhằm đảm bảo cho các cháu được phát triển toàn diện, hài hòa thì đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Thanh L về phần nuôi con chung. Những phần

khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Nguyễn Minh Th: Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tuy chị Th vắng mặt nhưng đã có đơn trình bày ý kiến và đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Minh Th là đúng quy định của pháp luật.

[2] Đối với quan hệ hôn nhân các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của anh L về phần nuôi con chung là cháu Trần Thanh H, sinh ngày 27/10/2013. Tại phiên tòa, anh L thay đổi yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Hải hoặc cháu Phong cho anh L nuôi dưỡng đều được, thấy rằng:

Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”

Xét thấy, anh L và chị Th tại phiên tòa phúc thẩm không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con để xem xét. Cụ thể: Cháu Trần Thanh P, sinh ngày 06/7/2018 mới chỉ được 21 tháng tuổi nên giao cho chị Th nuôi là tốt nhất để cho cháu Ph phát triển về tâm sinh lý, thể chất. Còn đối với cháu Trần Thanh H, sinh ngày 27/10/2013 gần được 07 tuổi thì theo nguyện vọng muốn được ở với chị Th.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn nhận thấy:

[3.1] Căn cứ các tài liệu, lời khai của chị Th và anh L thì hiện nay anh L, chị Th đều có việc làm, có thu nhập ổn định nên cả hai đều có đủ điều kiện, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và đôi bên đều không thuộc trường hợp bị hạn chế quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên theo lời trình bày của anh L tại bản tự khai ngày 24/10/2019 (bút lục 15) và tại phiên tòa phúc thẩm, anh L đều khẳng định: Anh L làm việc tại bệnh viện đa khoa tỉnh B nên tính chất công việc phải trực đêm từ 01 đến 02 ngày trong tuần, một tháng sẽ mất từ 04 đến 08 ngày không thể ở nhà để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Còn về phía chị Th làm việc trong cơ quan Nhà nước và chỉ làm trong giờ hành

chính không phải trực đêm nên có thời gian thuận lợi hơn trong việc chăm sóc, nuôi dạy cũng như đưa đón 02 con đi học.

[3.2] Hơn nữa, như đã phân tích, căn cứ vào giấy khai sinh, cháu Trần Thanh P, sinh ngày 06/7/2018 mới chỉ được 21 tháng tuổi, cháu Trần Thanh H, sinh ngày 27/10/2013 mới được gần 07 tuổi, hiện đang học lớp 1, các cháu còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Đồng thời, việc để hai cháu cùng chung sống với nhau là tạo điều kiện tốt nhất để các cháu gắn bó tình cảm anh em và quan trọng hơn nữa là để các cháu ổn định cuộc sống, ổn định tâm lý nhằm đảm bảo cho các cháu phát triển toàn diện, tốt nhất về cả thể lực lẫn trí lực.

[3.3] Mặt khác, từ trước khi anh L, chị Th ly hôn đã có một thời gian ly thân từ năm 2015 đến 2017 tuy sau đó đã được hòa giải đoàn tụ song trong suốt thời gian ly thân cũng như từ ngày 09/9/2019 cho đến nay thì cháu H và cháu Ph đều sống chung với chị Th, được chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển tốt. Tại phiên toà phúc thẩm, anh L cũng thừa nhận điều này.

[3.4] Bên cạnh đó, tại toà anh L cũng khẳng định anh L chỉ yêu cầu Toà án xem xét giao cho anh 01 con chung trên giấy tờ, pháp lý còn thực tế chị Th muốn nuôi cả hai con anh L vẫn đồng ý. Như vậy, có thể thấy mặc dù hiện nay theo anh L, anh có điều kiện là đang sinh sống một mình lại có nơi ở riêng ổn định còn chị Th chưa có chỗ ở riêng mà sống chung với bố mẹ ruột. Tuy nhiên như đã phân tích ở trên, điều này không gây ảnh hưởng đến cuộc sống và sự phát triển về mọi mặt của 02 cháu Hải, Phong nên cần tiếp tục giao cháu Hải, Phong cho chị Th tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

Do đó, việc Toà án cấp sơ thẩm sau khi xem xét đánh giá toàn diện các yếu tố đã tuyên giao 02 cháu Trần Thanh H và Trần Thanh P cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đạo đức và phong tục tập quán của người Việt Nam nên kháng cáo của anh L về phần nuôi con chung là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 57/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B về phần con chung.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Trần Thanh L phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Trần Thanh L.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 57/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B về phần con chung.

Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Minh Th,

Tuyên xử: Giao con chung là cháu Trần Thanh H, sinh ngày 27/10/2013 và Trần Thanh P, sinh ngày 06/7/2018 cho chị Nguyễn Minh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi các cháu Hải, Phong trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Anh Trần Thanh L được quyền thăm nom các cháu H, Ph, không ai được quyền cản trở. Tuy nhiên, nếu bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung của bên trực tiếp nuôi con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của bên không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi của các cháu Trần Thanh H, Trần Thanh P, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Án phí hôn nhân gia đình:

- Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: anh Trần Thanh L phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B theo Biên lai số 0025696 quyền số 000514 ngày 14/02/2020.

3. Các quyết định khác của Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- TAND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, T.GĐ&NCTN
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh